Job Hiring Web

Use-Case Specification

Version 2.0

Lịch sử hiệu chỉnh

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Date** | **Version** | **Description** | **Author** |
| 15/11/2022 | 1.0 | Phiên bản đầu tiên | Lê Phước Đôn |
| 24/11/2022 | 2.0 | Chỉnh sửa Model và Use-case (4, 5, 8, 9, 10, 11) | Lê Phước Đôn |

Mục lục

[1. Mô hình Use-case 4](#_Toc120214418)

[2. Đặc tả Use-case 4](#_Toc120214419)

[2.1 Use-case: Đăng ký 4](#_Toc120214420)

[2.2 Use-case: Đăng nhập 6](#_Toc120214421)

[2.3 Use-case: Quên mật khẩu 7](#_Toc120214422)

[2.4 Use-case: Xem thông tin cá nhân 8](#_Toc120214423)

[2.5 Use-case: Tuyển dụng 9](#_Toc120214424)

[2.6 Use-case: Tìm kiếm, lọc tin tuyển dụng 10](#_Toc120214425)

[2.7 Use-case: Ứng tuyển 11](#_Toc120214426)

[2.8 Use-case: Hồ sơ ứng tuyển 12](#_Toc120214427)

[2.9 Use-case: Tài khoản người dùng 14](#_Toc120214428)

[2.10 Use-case: Tin tuyển dụng 15](#_Toc120214429)

[2.11 Use-case: Xem báo cáo tin tuyển dụng 17](#_Toc120214430)

# Mô hình Use-case

Diagram

Description automatically generated

# Đặc tả Use-case

## Use-case: Đăng ký

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Đăng ký. |
| Mô tả ngắn gọn | Người sử dụng muốn đăng nhập vào hệ thống mà chưa có tài khoản, phải thực hiện đăng ký tài khoản để đăng nhập vào hệ thống. |
| Người sử dụng | Người dùng (Ứng viên tìm việc và nhà tuyển dụng). |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng chọn chức năng đăng ký tài khoản. 2. Người sử dụng nhập thông tin tài khoản đăng ký. 3. Hệ thống kiểm tra thông tin. 4. Hệ thống gửi email mã xác thực cho người dùng. 5. Người sử dụng nhập mã xác thực. 6. Hệ thống lưu lại thông tin và thông báo đăng ký tài khoản thành công. 7. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Hệ thống thông báo thiếu thông tin.**   1. Từ bước #2, người sử dụng nhập thông tin còn thiếu. 2. Tiếp tục bước #3.   **Luồng thay thế 2: Hệ thống thông báo tài khoản đã tồn tại/mật khẩu sai quy định.**   1. Từ bước #2, người sử dụng nhập lại thông tin. 2. Tiếp tục bước #3.   **Luồng thay thế 3: Người đăng ký là nhà tuyển dụng.**   1. Ở bước #6, hệ thống lưu lại thông tin và chờ quản trị viên xét duyệt tài khoản đăng ký. 2. Tiếp tục bước #7. |
| Điều kiện cần | Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. |
| Kết quả mong muốn | Người sử dụng đăng ký tài khoản thành công. |

## Use-case: Đăng nhập

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Đăng nhập. |
| Mô tả ngắn gọn | Mô tả cách người sử dụng đăng nhập vào hệ thống bằng tên đăng nhập và mật khẩu. |
| Người sử dụng | Người dùng, Quản trị viên. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng nhập tên tài khoản và mật khẩu. 2. Hệ thống kiểm tra các thông tin bắt buộc. 3. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 4. Hệ thống hiển thị giao diện. 5. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Hệ thống thông báo thiếu thông tin.**   1. Từ bước #1, người sử dụng nhập thông tin còn thiếu. 2. Tiếp tục bước #2.   **Luồng thay thế 2: Hệ thống thông báo tài khoản không tồn tại/sai mật khẩu.**   1. Từ bước #1, người sử dụng nhập lại thông tin. 2. Tiếp tục bước #2. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. 2. Người sử dụng đã đăng ký tài khoản trước đó. |
| Kết quả mong muốn | Người sử dụng đăng nhập thành công vào hệ thống. |

## Use-case: Quên mật khẩu

Diagram, text

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Quên mật khẩu. |
| Mô tả ngắn gọn | Người sử dụng quên mật khẩu khi đăng nhập vào hệ thống. |
| Người sử dụng | Người dùng, Quản trị viên. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng nhập email. 2. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 3. Hệ thống gửi mã xác nhận cho Người sử dụng. 4. Người sử dụng nhập mã xác nhận. 5. Người sử dụng tạo mật khẩu mới. 6. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế: Hệ thống thông báo người sử dụng nhập sai email đã đăng ký**   1. Từ bước #1, người sử dụng nhập lại email. 2. Tiếp tục bước #2. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. 2. Người sử dụng đã đăng ký tài khoản trước đó. |
| Kết quả mong muốn | Người sử dụng tạo mật khẩu mới thành công. |

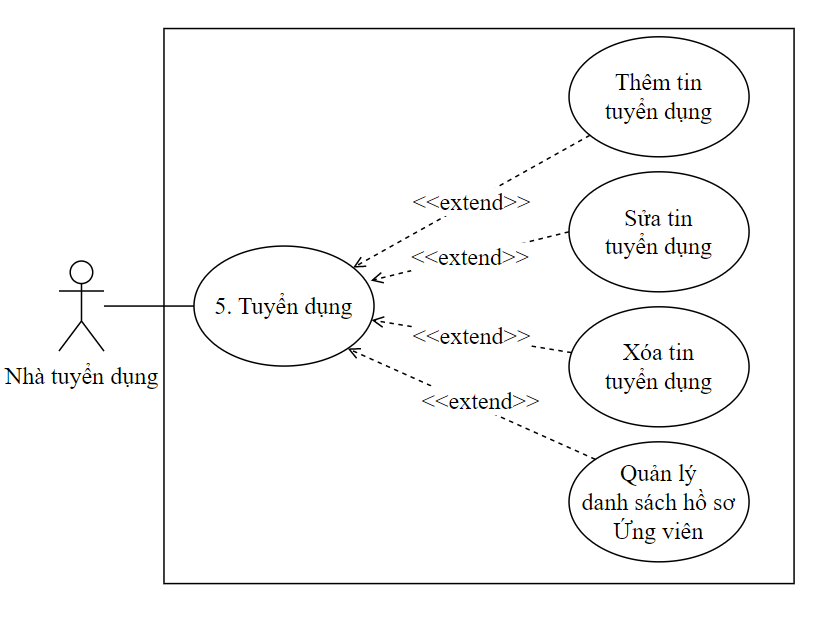
## Use-case: Xem thông tin cá nhân

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Xem thông tin cá nhân. |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép người sử dụng chỉnh sửa thông tin cá nhân của mình (Ví dụ: xem thông tin, thay đổi tên, ảnh đại diện, ….) |
| Người sử dụng | Người dùng. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng chọn chức năng Xem thông tin cá nhân. 2. Người sử dụng chọn và nhập thông tin cần chỉnh sửa. 3. Hệ thống kiểm tra các trường bắt buộc. 4. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 5. Cơ sở dữ liệu lưu thông tin. 6. Hệ thống thông báo chỉnh sửa thông tin thành công. 7. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế |  |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. 2. Người sử dụng đăng nhập vào hệ thống thành công. |
| Kết quả mong muốn | Người sử dụng chỉnh sửa được thông tin cá nhân của mình. |

## Use-case: Tuyển dụng



|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Tuyển dụng. |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép nhà tuyển dụng thực hiện thêm, sửa hoặc xoá các tin tuyển dụng đã đăng và các Ứng viên đã ứng tuyển vào tin đó. |
| Người sử dụng | Nhà tuyển dụng |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng chọn chức năng tuyển dụng. 2. Hệ thống hiển thị các tin tuyển dụng đã đăng. 3. Người sử dụng chọn tin muốn thêm, chỉnh sửa, xoá. 4. Hệ thống hiển thị nội dung tin chi tiết từ bảng tin đăng. 5. Người sử dụng chọn chức năng (thêm, chỉnh sửa, xoá). 6. Hệ thống hiện thị Form chỉnh sửa. 7. Người sử dụng nhập thông tin chỉnh sửa. 8. Hệ thống kiểm tra thông tin. 9. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 10. Cơ sở dữ liệu lưu thông tin. 11. Hệ thống thông báo cập nhật thành công. 12. Quy trình kết thúc |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Nếu người sử dụng chọn chức năng xoá ở bước #5**   1. Ở bước #5, người sử dụng chọn chức năng xoá. 2. Tiếp tục thực hiện bước #8.   **Luồng thay thế 2: Hệ thống thông báo người sử dụng nhập sai thông tin yêu cầu.**   1. Từ bước #7, người sử dụng nhập lại thông tin chỉnh sửa. 2. Tiếp tục bước #8.   **Luồng thay thế 3: Người sử dụng muốn quản lý danh sách hồ sơ ứng viên.**   1. Từ bước #5, người sử dụng chọn chức năng danh sách hồ sơ ứng viên. 2. Hệ thống hiển thị danh sách hồ sơ ứng viên đã nộp. 3. Người sử dụng chọn hồ sơ muốn xem. 4. Hệ thống hiển thị thông tin hồ sơ ứng viên. 5. Người sử dụng chấp nhận/từ chối hồ sơ ứng tuyển. 6. Cơ sở dữ liệu lưu thông tin. 7. Hệ thống gửi thông báo ứng tuyển cho ứng viên. 8. Quy trình kết thúc. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. 2. Tin tuyển dụng đã được đăng trước đó. |
| Kết quả mong muốn | Nhà tuyển dụng quản lý được tin tuyển dụng và quản lý được danh sách hồ sơ ứng viên. |

## Use-case: Tìm kiếm, lọc tin tuyển dụng

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Tìm kiếm, lọc tin tuyển dụng. |
| Mô tả ngắn gọn | Tìm kiếm việc dựa trên các tiêu chí: Địa điểm, công ty tuyển dụng, trình độ, vị trí công việc, mức lương, … |
| Người sử dụng | Ứng viên tìm việc. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng nhập thông tin tìm kiếm. 2. Cơ sở dữ liệu kiểm tra dữ liệu theo yêu cầu tìm kiếm. 3. Hệ thống hiển thị danh sách các tin tuyển dụng theo yêu cầu tìm kiếm. 4. Người sử dụng chọn tin cần xem. 5. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của tin tuyển dụng. 6. Quy trình kết thúc |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Người sử dụng muốn lọc ra tin tuyển dụng theo mong muốn.**   1. Từ bước #1, Người sử dụng lọc tin tuyển dụng theo mong muốn của mình. 2. Tiếp tục bước #2   **Luồng thay thế 2: Người sử dụng muốn báo cáo tin tuyển dụng.**   1. Sau bước #5, người sử dụng nhấn vào biểu tượng để báo cáo tin tuyển dụng. 2. Hệ thống gửi thông báo về phía quản trị viên để xác minh, xét duyệt lại tin tuyển dụng. 3. Quy trình kết thúc. |
| Điều kiện cần | Phải kết nối với Internet trước khi sử dụng. |
| Kết quả mong muốn | Hiện thị được kết quả tìm kiếm theo mong muốn của ứng viên. |

## Use-case: Ứng tuyển

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Ứng tuyển |
| Mô tả ngắn gọn | Ứng viên muốn ứng tuyển vào công việc mong muốn. |
| Người sử dụng | Ứng viên tìm việc. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng chọn chức năng ứng tuyển 2. Hệ thống hiện thị ra form điền thông tin cho ứng viên. 3. Người sử dụng điền thông tin vào form. 4. Hệ thống kiểm tra các trường thông tin bắt buộc. 5. Người sử dụng click nộp hồ sơ ứng tuyển. 6. Cơ sở dữ liệu kiểm tra và lưu lại thông tin. 7. Hệ thống hiển thị thông báo ứng tuyển thành công. 8. Quy trình kết thúc |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Ứng viên muốn liên hệ với nhà tuyển dụng**   1. Trước bước #1, người sử dụng có thể liên hệ với nhà tuyển dụng tại trang ứng tuyển để trao đổi. 2. Tiếp tục bước #1.   **Luồng thay thế 2: Hệ thống kiểm tra thông tin nhập sai yêu cầu**   1. Từ bước #3, người sử dụng điền lại thông tin vào form 2. Tiếp tục bước #4. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với internet trước khi sử dụng 2. Người sử dụng phải đăng nhập vào hệ thống. 3. Người sử dụng phải thực hiện quá trình tìm kiếm tin tuyển dụng rồi mới thực hiện ứng tuyển. |
| Kết quả mong muốn | Ứng viên nộp hồ sơ ứng tuyển thành công |

## Use-case: Hồ sơ ứng tuyển

Diagram, letter

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Hồ sơ ứng tuyển |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép ứng viên quản lý danh sách hồ sơ ứng tuyển của mình. |
| Người sử dụng | Ứng viên tìm việc. |
| Luồng cơ bản | 1. Người sử dụng chọn chức năng Hồ sơ ứng tuyển. 2. Hệ thống hiển thị ra danh sách các hồ sơ mà người sử dụng ứng tuyển. 3. Người sử dụng chọn hồ sơ ứng tuyển muốn thao tác. 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của hồ sơ ứng tuyển. 5. Người sử dụng thực hiện thao tác chỉnh sửa hoặc xoá. 6. Hệ thống kiểm tra các thông tin bắt buộc. 7. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 8. Cơ sở dữ liệu lưu thông tin. 9. Hệ thống thông báo cập nhật thành công. 10. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Nếu người sử dụng muốn xoá hồ sơ ứng tuyển.**   1. Ở bước #5, người sử dụng chọn chức năng xoá. 2. Tiếp tục thực hiện bước #7.   **Luồng thay thế 2: Hệ thống thông báo người sử dụng nhập sai thông tin chỉnh sửa.**   1. Từ bước #5, người sử dụng nhập lại thông tin chỉnh sửa. 2. Tiếp tục bước #6. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với internet trước khi sử dụng 2. Người sử dụng phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Kết quả mong muốn | Ứng viên quản lý thành công hồ sơ ứng tuyển. |

## Use-case: Tài khoản người dùng

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Tài khoản người dùng. |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép quản trị viên có thể duyệt, khoá hoặc xoá tài khoản của người dùng. |
| Người sử dụng | Quản trị viên. |
| Luồng cơ bản | 1. Quản trị viên chọn chức năng Tài khoản người dùng. 2. Quản trị viên chọn tài khoản người dùng mong muốn. 3. Hệ thống hiển thị ra thông tin tài khoản người dùng. 4. Quản trị viên thực hiện thao tác duyệt, khoá hoặc xoá tài khoản người dùng.. 5. Hệ thống kiểm tra các thông tin bắt buộc. 6. Cơ sở dữ liệu kiểm tra thông tin. 7. Cơ sở dữ liệu lưu thông tin. 8. Hệ thống thông báo cập nhật thành công. 9. Quy trình kết thúc. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Nếu quản trị viên chọn chức năng khoá tài khoản người dùng ở bước #4**   1. Ở bước #4, quản trị viên chọn chức năng khoá tài khoản người dùng. 2. Hệ thống thông báo xác nhận khoá tài khoản. 3. Quản trị viên đồng ý khoá. 4. Tiếp tục bước #6.   **Luồng thay thế 2: Nếu quản trị viên chọn chức năng xoá tài khoản người dùng ở bước #4**   1. Ở bước #4, quản trị viên chọn chức năng xoá tài khoản người dùng. 2. Hệ thống thông báo xác nhận xoá tài khoản. 3. Quản trị viên đồng ý xoá. 4. Tiếp tục bước #6. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với internet trước khi sử dụng 2. Quản trị viên phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Kết quả mong muốn | Quản trị viên quản lý (duyệt, khoá hoặc xoá) thông tin tài khoản người dùng thành công. |

## Use-case: Tin tuyển dụng

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Tin tuyển dụng. |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép quản trị viên có thể duyệt, khoá, xoá tin tuyển dụng. |
| Người sử dụng | Quản trị viên. |
| Luồng cơ bản | 1. Quản trị viên chọn chức năng tin tuyển dụng. 2. Hệ thống hiển thị danh sách các tin tuyển dụng. 3. Quản trị viên chọn tin tuyển dụng muốn thao tác (một hoặc nhiều). 4. Quản trị viên chọn chức năng duyệt, khoá, xoá tin tuyển dụng 5. Hệ thống hiển thị theo yêu cầu chức năng mà Quản trị viên chọn. 6. Quản trị viên thực hiện thao tác duyệt, khoá hoặc xoá tin tuyển dụng. 7. Hệ thống kiểm tra các trường thông tin. 8. Cơ sở dữ liệu kiểm tra và lưu thông tin. 9. Hệ thống thông báo cập nhật (duyệt, khoá hoặc xoá) thành công và gửi thông báo này đến nhà tuyển dụng. 10. Kết thúc quy trình. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế 1: Nếu quản trị viên chọn chức năng khoá tin tuyển dụng ở bước #4**   1. Ở bước #4, quản trị viên chọn chức năng khoá tin tuyển dụng. 2. Hệ thống thông báo xác nhận khoá tin tuyển dụng. 3. Quản trị viên đồng ý khoá. 4. Tiếp tục bước #8.   **Luồng thay thế 2: Nếu quản trị viên chọn chức năng xoá tin tuyển dụng ở bước #4**   1. Ở bước #4, , quản trị viên chọn chức năng xoá tin tuyển dụng. 2. Hệ thống thông báo xác nhận xoá tin tuyển dụng. 3. Quản trị viên đồng ý xoá. 4. Tiếp tục bước #8. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với internet trước khi sử dụng 2. Quản trị viên phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Kết quả mong muốn | Quản trị viên quản lý thành công các tin tuyển dụng. |

## Use-case: Xem báo cáo tin tuyển dụng

Diagram

Description automatically generated

|  |  |
| --- | --- |
| Tên use-case | Xem báo cáo tin tuyển dụng. |
| Mô tả ngắn gọn | Hệ thống cho phép quản trị viên có thể xem, xoá báo cáo tin tuyển dụng. |
| Người sử dụng | Quản trị viên. |
| Luồng cơ bản | 1. Quản trị viên chọn chức năng xem báo cáo tin tuyển dụng. 2. Hệ thống hiển thị ra danh sách các tin tuyển dụng bị báo cáo. 3. Quản trị viên chọn tin tuyển dụng. 4. Hệ thống hiển thị thông tin chi tiết của tin tuyển dụng. 5. Quản trị viên chọn thao tác (xem hoặc xoá) muốn thực hiện. 6. Hệ thống kiểm tra các trường thông tin. 7. Cơ sở dữ liệu kiểm tra và lưu thông tin. 8. Kết thúc quy trình. |
| Luồng thay thế | **Luồng thay thế: Nếu người dùng chọn chức năng xoá ở bước #5**   1. Ở bước #5, quản trị viên chọn thao tác xoá. 2. Hệ thống thông báo xác nhận xoá báo cáo. 3. Quản trị viên đồng ý xoá. 4. Hệ thống kiểm tra các trường thông tin. 5. Cơ sở dữ liệu kiểm tra và lưu thông tin. 6. Hệ thống thông báo xoá báo cáo thành công. 7. Kết thúc quy trình. |
| Điều kiện cần | 1. Phải kết nối với internet trước khi sử dụng 2. Quản trị viên phải đăng nhập vào hệ thống. |
| Kết quả mong muốn | Quản trị viên có thể xem các báo cáo tin tuyển dụng. |